



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2017-2018

Môn học : An toàn và Môi trường công nghiệp - 1102155

Mã lớp học phần: 110215501

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 12/12/2017

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.4

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710040018	Phạm Trường An	20/09/1999	AM		7	Bảy	C19CK	
2	1710040007	Hồng Duy Dal	06/08/1999	Danh		6	Sáu	C19CK	
3	1710040002	Nguyễn Tấn Hiếu	20/08/1997	Hiếu		6	Sáu	C19CK	
4	1710040008	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	27/10/1999	Hiếu		7	Bảy	C19CK	
5	1710040016	Hà Đức Hoàn	22/02/1999	Hoàn		5	Năm	C19CK	
6	1710040015	Ông Văn Hoành	20/06/1998	Hoành		5	Năm	C19CK	
7	1710040013	Nguyễn Khánh Hội	08/07/1999	Hội		5	Năm	C19CK	
8	1710040017	Trần Văn Khánh	17/05/1997	Khánh		7	Bảy	C19CK	
9	1710040027	Trần Văn Kiên	18/11/1999	Kiên		5	Năm	C19CK	
10	1710040028	Lâm Vũ Kiệt	28/02/1999	Kiệt		6	Sáu	C19CK	
11	1710040025	Hồ Minh Lạc	21/06/1999	Lạc		5	Năm	C19CK	
12	1710040003	Bạch Sĩ Lâm	29/12/1998	Lâm		6	Sáu	C19CK	
13	1710040024	Nguyễn Tấn Lâm	28/01/1998	Lâm		9	Chín	C19CK	
14	1710040031	Lê Khánh Linh	23/08/1996	Linh		7	Bảy	C19CK	
15	1710040014	Trần Minh Luân	01/02/1998	Luân		✓		C19CK	
16	1710040029	Trần Phương Nam	22/02/1999	Nam		7	Bảy	C19CK	
17	1710040022	Nguyễn Văn Nhân	19/01/1999	Nhân		5	Năm	C19CK	
18	1710040006	Sử Thành Nhân	12/09/1999	Nhân		5	Năm	C19CK	
19	1710040021	Ngô Tín Nhiệm	17/06/1998	Nhiệm		6	Sáu	C19CK	
20	1710040010	Cao Minh Phong	15/03/1999	Phong		6	Sáu	C19CK	
21	1710040020	Phạm Minh Quân	18/05/1998	Quân		9	Chín	C19CK	
22	1710040023	Thái Thanh Qui	17/06/1999	Qui		6	Sáu	C19CK	
23	1710040032	Đặng Quý	20/06/1994	Quý		✓		C19CK	
24	1710040009	Huỳnh Thanh Sang	05/09/1999	Sang		7	Bảy	C19CK	
25	1710040012	Nguyễn Tấn Sang	12/09/1999	Sang		5	Năm	C19CK	
26	1710040005	Hứa Thành Tâm	13/06/1999	Tâm		6	Sáu	C19CK	
27	1710040030	Trần Đức Thịnh	31/01/1999	Thịnh		7	Bảy	C19CK	
28	1710040001	Nguyễn Nhựt Tiếng	14/12/1999	Tiếng		5	Năm	C19CK	
29	1710040011	Trần Hữu Tính	08/03/1998	Tính		6	Sáu	C19CK	
30	1710040026	Nguyễn Thế Truyền	11/11/1998	Truyền		7	Bảy	C19CK	
31	1710040004	Lê Lâm Trường	11/11/1998	Trường		5	Năm	C19CK	
32	1710040019	Nguyễn Lê Vinh	04/05/1998	Vinh		9	Chín	C19CK	

- /: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____, Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày:tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 1...tháng...1...năm... 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Thanh


Lao Thế Anh.

BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2017-2018

Môn học : An toàn và Môi trường công nghiệp - 1102155

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: CTO

Mã lớp học phần: 110215501

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710040018	Phạm Trường An	20/09/1999	<u>Am</u>	7	Bảy	C19CK	
2	1710040007	Hồng Duy Đạt	06/08/1999	<u>Dat</u>	5	Năm	C19CK	
3	1710040002	Nguyễn Tấn Hiếu	20/08/1997	<u>Hiếu</u>	5	Năm	C19CK	
4	1710040008	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	27/10/1999	<u>Hiếu</u>	7	Bảy	C19CK	
5	1710040016	Hà Đức Hoàn	22/02/1999	<u>Hoàn</u>	5	Năm	C19CK	
6	1710040015	Ông Văn Hoành	20/06/1998	<u>Hoành</u>	5	Năm	C19CK	
7	1710040013	Nguyễn Khánh Hội	08/07/1999	<u>Hội</u>	5	Năm	C19CK	
8	1710040017	Trần Văn Khánh	17/05/1997	<u>Khánh</u>	7	Bảy	C19CK	
9	1710040027	Trần Văn Kiên	18/11/1999	<u>Kiên</u>	6	Sáu	C19CK	
10	1710040028	Lâm Vũ Kiệt	28/02/1999	<u>Kiệt</u>	6	Sáu	C19CK	
11	1710040025	Hồ Minh Lạc	21/06/1999	<u>Lạc</u>	5	Năm	C19CK	
12	1710040003	Bạch Sĩ Lâm	29/12/1998	<u>Lâm</u>	6	Sáu	C19CK	
13	1710040024	Nguyễn Tấn Lâm	28/01/1998	<u>Lâm</u>	8	Tám	C19CK	
14	1710040031	Lê Khánh Linh	23/08/1996	<u>Linh</u>	7	Bảy	C19CK	
15	1710040014	Trần Minh Luân	01/02/1998	<u>Luân</u>	1		C19CK	
16	1710040029	Trần Phương Nam	22/02/1999	<u>Nam</u>	7	Bảy	C19CK	
17	1710040022	Nguyễn Văn Nhân	19/01/1999	<u>Nhân</u>	6	Sáu	C19CK	
18	1710040006	Sử Thành Nhân	12/09/1999	<u>Nhân</u>	6	Sáu	C19CK	
19	1710040021	Ngô Tín Nhiệm	17/06/1998	<u>Nhiệm</u>	5	Năm	C19CK	
20	1710040010	Cao Minh Phong	15/03/1999	<u>Phong</u>	6	Sáu	C19CK	
21	1710040020	Phạm Minh Quân	18/05/1998	<u>Quân</u>	8	Tám	C19CK	
22	1710040023	Thái Thanh Qui	17/06/1999	<u>Qui</u>	5	Năm	C19CK	
23	1710040032	Đặng Quy	20/06/1994	<u>Quy</u>	1		C19CK	
24	1710040009	Huỳnh Thanh Sang	05/09/1999	<u>Sang</u>	7	Bảy	C19CK	
25	1710040012	Nguyễn Tấn Sang	12/09/1999	<u>Sang</u>	5	Năm	C19CK	
26	1710040005	Hứa Thành Tâm	13/06/1999	<u>Tâm</u>	5	Năm	C19CK	
27	1710040030	Trần Đức Thịnh	31/01/1999	<u>Thịnh</u>	7	Bảy	C19CK	
28	1710040001	Nguyễn Nhựt Tiếng	14/12/1999	<u>Tiếng</u>	6	Sáu	C19CK	
29	1710040011	Trần Hữu Tính	08/03/1998	<u>Tính</u>	5	Năm	C19CK	
30	1710040026	Nguyễn Thế Truyền	11/11/1998	<u>Truyền</u>	7	Bảy	C19CK	
31	1710040004	Lê Lâm Trường	11/11/1998	<u>Trường</u>	5	Năm	C19CK	
32	1710040019	Nguyễn Lê Vinh	04/05/1998	<u>Vinh</u>	8	Tám	C19CK	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	--------	---------	----------	--------	---------

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

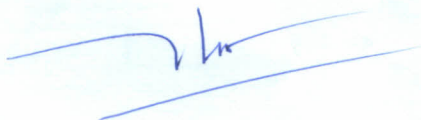
Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

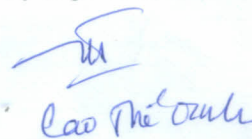


Nguyễn Đức Thiết

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Cao Thị Oanh